

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀNG ĐỊNH
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2017/DS - ST
Ngày: 24-8-2017
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀNG ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Bàn Văn Tiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lăng Văn Phật
2. Ông Nguyễn Viết Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Việt Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Tràng Định, tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Trường Sinh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 07/2017/DS - ST ngày 19 tháng 4 năm 2017 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2017/QĐXX-DS ngày 01 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị M, sinh năm 1965. Có mặt.

Trú tại: Thôn T1, xã C, huyện T2, tỉnh Lạng Sơn.

- Bị đơn: Ông Dương Văn C, sinh năm 1970. Có mặt.

Trú tại: Thôn T1, xã C, huyện T2, tỉnh Lạng Sơn.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1964. Vắng mặt.
2. Anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1988. Vắng mặt.
3. Chị Nguyễn Thị H2, sinh năm 1986. Vắng mặt.

Cùng trú tại: Thôn T1, xã C, huyện T2, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn P, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Thị H2 theo văn bản ủy

quyền ngày 10 tháng 8 năm 2017: Bà Hoàng Thị M, sinh năm 1965; trú tại: Thôn T1, xã C, huyện T2, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

4. Bà Lý Thị D1, sinh năm 1972. Có mặt.

5. Chị Dương Thị N1, sinh năm 1995. Vắng mặt.

6. Anh Dương Văn S, sinh năm 1994. Vắng mặt.

Cùng trú tại: Thôn T1, xã C, huyện T2, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lý Thị D1, Dương Thị N1, Dương Văn S theo văn bản ủy quyền ngày 15 tháng 8 năm 2017: Ông Dương Văn C, sinh năm 1970; trú tại: Thôn T1, xã C, huyện T2, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23 tháng 01 năm 2017, bản tự khai ngày 24 tháng 01 năm 2017, biên bản lấy lời khai ngày 21 tháng 3 năm 2017 tại Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn, bà Hoàng Thị M là nguyên đơn trình bày:

Tôi có 01 mảnh đất cạnh nhà ông Bé Văn N2 thuộc khu đất “P1 P2” có diện tích $144m^2$ (Trong đó nền nhà cũ có diện tích $81m^2$; đất vườn có diện tích $63m^2$) là di sản thừa kế của ông cha tôi. Mảnh đất trên đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 2007. Lúc đầu ông Bé Văn N2 chỉ lấn chiếm sang gian bếp khoảng $20m^2$, sau đó chiếm cả mảnh đất diện tích $144m^2$ của tôi. Hiện tại Ông Dương Văn C (Con ông Bé Văn N2) tiếp tục chiếm dụng mảnh đất trên không trao trả cho gia đình tôi. Nay tôi đề nghị Tòa án giải quyết để tôi lấy lại mảnh đất để sử dụng.

Bị đơn ông Dương Văn C trình bày: Khu đất hiện đang tranh chấp trước năm 1963 là đất rừng tự nhiên không có ai quản lý. Đến năm 1964 ông cha tôi là ông Dương Quốc A, Bé Văn N2 đã khai phá tạo thành đất nền nhà và đất vườn có tổng diện tích $1800m^2$ đã sử dụng từ năm 1964 cho đến nay. Ông Nguyễn Văn D2 là cha đẻ của ông Nguyễn Văn P (P là chồng của bà Hoàng Thị M). Ông D2 nguyên quán ở thôn K, xã C, huyện T2, tỉnh Lạng Sơn sau khi chuyển về thôn T1, xã C, huyện T2, tỉnh Lạng Sơn định cư. Lúc mới ra ông D2 không có đất làm nhà nên ông D2 hỏi ông Dương Quốc A làm nhà tạm trú tại đất nhà ông A. Ông A đã đồng ý cho ông D2 ở tạm thời. Sau đó năm 1985 ông A qua đời, ông D2 chết đột ngột cùng năm. Trước đó hai ông cũng đã kể ra cho một số người cao tuổi trong làng biết đó là đất của ông Dương Quốc A. Năm 2012 bà M và ông P lên nhà tôi trao đổi với bố tôi là ông Bé Văn N2 (Không có văn bản) về việc đổi đất vườn. Gia đình tôi lấy đất nền nhà của bà M ($81m^2$) còn bà M lấy mảnh đất vườn của gia đình tôi. Về sau cha tôi qua đời, gia đình bà M đã khởi kiện tôi đòi lại diện tích đất đã đổi. Nay tôi không đồng ý trả lại cho bà M mảnh đất hiện đang tranh chấp diện tích $144m^2$.

Đến ngày 09 tháng 5 năm 2017 Tòa án tiến hành hòa giải tôi (Dương Văn C) đồng ý trả lại cho bà Hoàng Thị M mảnh đất hiện đang tranh chấp diện tích

144m² vì bà Hoàng Thị M đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2007.

Đến ngày 11 tháng 5 năm 2017 tôi (Dương Văn C) thay đổi sự thỏa thuận ngày 09/5/2017 với lý do: Năm 2012 bà M và ông P lên nhà tôi (Dương Văn C) trao đổi với bố là ông Bé Văn N2 (*Không có văn bản*) về việc đổi đất vườn. Gia đình tôi lấy đất nền nhà của bà M (81m²) còn bà M lấy mảnh đất vườn của gia đình bố ông C (*ông N2 là bố của ông Dương Văn C, đã chết*).

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn P, anh Nguyễn Văn H1, chị Nguyễn Thị H2 trình bày: Việc tranh chấp đất đai giữa bà Hoàng Thị M với ông Dương Văn C tổng diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Hoàng Thị M là 144m², là do toàn quyền bà Hoàng Thị M quyết định không liên quan đến chúng tôi, vì ở trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chỉ đứng tên một mình bà Hoàng Thị M.

Bà Lý Thị D1 trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp theo bà được biết là đất của gia đình bố chồng, hiện nay bà Hoàng Thị M đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trước đây vợ chồng bà M đã thỏa thuận cùng bố chồng bà là ông Bé Văn N2 (*nay ông N2 đã chết*) để đổi đất, ông Bé Văn N2 cho bà Hoàng Thị M một phần đất để làm nhà còn bà Hoàng Thị M cho ông Bé Văn N2 phần đất hiện đang tranh chấp, việc thỏa thuận không làm văn bản chỉ nói bằng miệng, không ai làm chứng gì. Nay tôi yêu cầu bà Hoàng Thị M thực hiện việc thỏa thuận trước đây số diện tích 144m² đất cho gia đình ông Dương Văn C quản lý, sử dụng.

Ngày 16/8/2017 Tòa án nhân dân huyện Trảng Định nhận được bản tự khai của bà Lý Thị D1 và ông Dương Văn C đề ngày 15/8/2017 nộp cho Tòa án. Trong bản tự khai bà D1, ông C yêu cầu: Vào năm 2005 gia đình ông Nguyễn Văn P bà Hoàng Thị M đã tranh chấp đất vườn, đất nền nhà cũ của cháu Nguyễn Văn T với ông Bé Văn N2, việc tranh chấp đã được chính quyền ở xã hòa giải dứt điểm thỏa thuận gia đình bà M ông P đổi cho bố tôi diện tích đất hiện đang tranh chấp 144m² cho gia đình ông N2 quản lý sử dụng, còn bà M ông P quản lý sử dụng một phần đất vườn của bố tôi (*ông N2*) từ việc thỏa thuận đó đến năm 2011 gia đình bà M, ông P đã san ủi sử dụng đất làm nền nhà, khi san ủi đất nền nhà không đúng vị trí cam kết đã phá vào vườn cây ăn quả của gia đình (*bà D1, ông C*) cụ thể: Phá 20 cây quýt đã cho thu hái quả được 7 năm x 2.000.000đ/1 cây = 40.000.000đ; 08 cây xoan đường kính 20cm x 400.000đ/1 cây = 3.200.000đ; 04 cây mận mật đã được thu hái quả ăn x 2.000.000đ = 8.000.000đ (Toàn bộ những cây ăn quả ông N2 đã trồng từ năm 1994 đến năm 2004 đã sai quả).

Tại phiên tòa ông C, bà D1 yêu cầu bà M, ông P bồi thường số cây do ông P bà M san ủi đi trị giá 51.000.000đ cho gia đình Ông C, bà D1, nếu không bồi thường thì gia đình ông bà không trả phần đất hiện đang tranh chấp cho bà M.

Tại biên bản thẩm định, định giá tài sản ngày 02 tháng 6 năm 2017 xác định mảnh đất hiện đang tranh chấp có tứ cận giáp:

- + Phía đông giáp với đường 135 thôn T1;
- + Phía tây giáp đất cộng đồng khu dân cư thôn T1, xã C, huyện T2, tỉnh Lạng Sơn;
- + Phía nam giáp hộ ông Dương Văn C;
- + Phía bắc giáp hộ bà Hoàng Thị M.

Tổng diện tích tranh chấp toàn bộ 144m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Hoàng Thị M. Giá trị đất tranh chấp các đương sự thỏa thuận áp theo giá đất mà Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn quy định trị giá 80.000 đồng/m².

Tài sản trên đất: Hai bên đương sự không yêu cầu tòa án giải quyết, vì trên đất không có tài sản có giá trị.

Toà án đã tổ chức hoà giải giữa các bên đương sự vào ngày 14 tháng 6 năm 2017, nhưng cuộc hoà giải không có kết quả, các bên đương sự vẫn giữ yêu cầu như trên.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn có ý kiến: Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục thu thập chứng cứ, giải quyết vụ án; các đương sự tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu hoặc kiến nghị nào khác đối với quá trình tiến hành tố tụng của vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là trường hợp tranh chấp quyền sử dụng đất. Khu đất đang tranh chấp thuộc xứ “P1 P2” về nguồn gốc là do ông Nguyễn Văn T3 trước đây sử dụng làm đất ở. Ông Nguyễn Văn T1 (con trai ông T3) thừa nhận có sự thỏa thuận chuyển quyền sử dụng đất từ gia đình ông Nguyễn Văn T3 cho bà Hoàng Thị M. Việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông T1 (con trai ông T3) sang cho bà M chưa được thực hiện đúng với các quy định của Luật đất đai, nhưng đã được ông T1 thừa nhận không có tranh chấp với bà M (tại bút lục số 09). Do vậy, đến ngày 12/3/2007 UBND huyện T2, tỉnh Lạng Sơn đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Hoàng Thị M được quản lý và sử dụng thửa đất thuộc xứ “P1 P2” thôn T1 xã C với thời hạn là lâu dài theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H 00269 có diện tích 144m². Kể từ khi được UBND huyện T2 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên thì gia đình bà M vẫn quản lý và sử dụng ổn định thửa đất cho đến năm 2015 thì mới phát sinh tranh chấp. Sau khi xảy ra tranh chấp đã được ủy ban nhân dân xã hòa giải nhưng không thành, do đó bà Hoàng Thị M làm đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn để giải quyết.

[2] Hội đồng xét xử xét thấy: Thửa đất trên là của Nguyễn Văn T3 để lại cho con trai là Nguyễn Văn T1 sau đó Nguyễn Văn T1 chuyển nhượng cho bà

Hoàng Thị M và Hoàng Thị M đã được Ủy ban nhân dân huyện T2 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 00269 có diện tích 144m² ngày 12/3/2007. Xét thấy ủy ban nhân dân huyện T2 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 00269 có diện tích 144m² cho bà Hoàng Thị M là đúng trình tự và ông Dương Văn C cũng thừa nhận là đúng. Do đó chấp nhận đơn khởi kiện của bà Hoàng Thị M, giao cho bà Hoàng Thị M được tiếp tục quản lý và sử dụng thửa đất tại địa danh “P1 P2” thuộc thôn T1, xã C, huyện T2, tỉnh Lạng Sơn, có diện tích 144m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 00269 cấp ngày 12/3/2007 là có căn cứ. Thửa đất có các mặt tiếp giáp như sau: Phía bắc tiếp giáp với hộ bà Hoàng Thị M; phía đông tiếp giáp với đường 135 thôn T1; phía nam giáp với hộ ông Dương Văn C; phía tây giáp với đất cộng đồng khu dân cư thôn T1, xã C, huyện T2, tỉnh Lạng Sơn. Giá trị đất tranh chấp các bên đương sự thống nhất, thỏa thuận mảnh đất tranh chấp 144m² trị giá: 80.000 đồng/m² theo bảng giá đất quy định trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn (*Quyết định số 29/2014/QĐ-UBND ngày 20/12/2014 của ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn*).

[3] Tại biên bản hòa giải ngày 09 tháng 5 năm 2017 ông Dương Văn C công nhận và thỏa thuận trả lại mảnh đất hiện đang tranh chấp cho bà Hoàng Thị M, đến ngày 11 tháng 5 năm 2017 ông Dương Văn C thay đổi ý kiến không trả lại đất cho bà Hoàng Thị M. Ngày 14 tháng 6 năm 2017 Tòa án tiến hành hòa giải nhưng ông Dương Văn C vẫn giữ nguyên quan điểm không trả lại mảnh đất đang tranh chấp cho bà Hoàng Thị M, tại phiên tòa ông Dương Văn C yêu cầu được tiếp tục quản lý và sử dụng thửa đất trên, có diện tích 144m² thuộc xứ “P1 P2” thôn T1 xã C theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H 00269 mang tên bà Hoàng Thị M. Xét thấy, yêu cầu của ông Dương Văn C đưa ra là không có cơ sở, không có căn cứ, cần phải bác yêu cầu này của ông Dương Văn C. Ông Dương Văn C cho rằng trước đây vào năm 2012 bà Hoàng Thị M và ông Nguyễn Văn P lên nhà ông Dương Văn C trao đổi với bố ông là Bé Văn N2 về việc đổi đất vườn để làm nhà. Gia đình ông Bé Văn N2 lấy đất nền nhà của bà M còn bà M lấy mảnh đất vườn của gia đình ông N2, (*việc trao đổi không có văn bản, không có ai làm chứng*) do đó, yêu cầu của Dương Văn C không được được Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc ông Dương Văn C trả lại thửa đất trên cho bà Hoàng Thị M được quản lý và sử dụng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[4] Xét bản tự khai của ông Dương Văn C bà Lý Thị D1 nộp cho Tòa án ngày 16/8/2017 cho rằng, vào năm 2011 gia đình bà M, ông P đã san ủi sử dụng đất làm nền nhà không đúng vị trí cam kết đã phá vào vườn cây ăn quả của gia đình (*bà D1, ông C*) cụ thể: Phá 20 cây quýt đã cho thu hái quả được 7 năm x 2.000.000đ/1 cây = 40.000.000đ; 08 cây xoan đường kính 20cm x 400.000đ/1 cây = 3.200.000đ; 04 cây mác mật đã được thu hái quả ăn x 2.000.000đ/1 cây = 8.000.000đ. Tổng cộng phải bồi thường thiệt hại cho gia đình ông bà là 51.000.000đ. Việc yêu cầu đưa ra ông C, bà D1 không có chứng cứ gì để chứng minh việc đổi đất làm nền nhà, không có biên bản việc ông P, bà M san ủi gây thiệt hại cây ăn quả của gia đình ông bà và việc gây thiệt hại chưa được ủy ban nhân dân xã giải quyết do vậy, việc yêu cầu trên của ông Dương Văn C, bà Lý

Thị D1 không được Hội đồng xét xử chấp nhận, không xem xét giải quyết trong vụ án này. Đề nghị ông Dương Văn C, bà Lý Thị D1 làm đơn yêu cầu ủy ban nhân dân xã giải quyết theo trình tự thủ tục và khởi kiện trong một vụ án dân sự khác nếu có căn cứ.

[5] Về án phí bên đương sự nào yêu cầu không có căn cứ và không được Tòa án chấp nhận thì phải chịu 5% tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cụ thể: Ông Dương Văn C phải chịu toàn bộ án phí dân sự có giá ngạch để sung công quỹ nhà nước đối với giá trị tài sản tranh chấp là quyền sử dụng đất ($144\text{m}^2 \times 80.000\text{đ}/\text{m}^2 = 11.520.000\text{đ} \times 5\% = 576.000\text{đ}$) theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho bà Hoàng Thị M với số tiền là 540.000đ theo biên lai số AA/2012/03556 ngày 10/4/2017 của Chi cục THADS huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn.

[6] Về chi phí định giá tài sản bên đương sự nào yêu cầu không được chấp nhận thì phải chịu chi phí định giá tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng: Khoản 5 Điều 7; khoản 3 Điều 17; điểm a khoản 1 Điều 99; khoản 1, 2 Điều 101; Điều 170; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 357 của Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158; khoản 1 Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm b khoản 1 Điều 24 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị M cụ thể: Giao cho bà Hoàng Thị M được quyền quản lý và sử dụng toàn bộ thửa đất thuộc xứ "P1 P2" thôn T1 xã C (theo trích đo thực địa khu đất thôn T1 có diện tích 144m^2 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 00269 ngày 12/3/2007 của UBND huyện T2, tỉnh Lạng Sơn mang tên bà Hoàng Thị M). Thửa đất có các phía tiếp giáp như sau:

+ Phía đông tiếp giáp với đường 135 thôn T1, xã C, huyện T2, tỉnh Lạng Sơn.

+ Phía tây giáp với đất cộng đồng khu dân cư thôn T1, xã C, huyện T2, tỉnh Lạng Sơn.

+ Phía nam giáp với hộ ông Dương Văn C;

+ Phía bắc tiếp giáp với hộ bà Hoàng Thị M.

(Có sơ họa kèm theo).

2. Bác yêu cầu của ông Dương Văn C về việc yêu cầu được tiếp tục quản lý và sử dụng thửa đất thuộc xứ “P1 P2” thôn T1 xã C, có diện tích 144m² đã được UBND huyện T2 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H 00269 ngày 12/3/2007 cho bà Hoàng Thị M vì không có cơ sở. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật ông Dương Văn C phải trả lại toàn bộ thửa đất trên cho bà Hoàng Thị M được quản lý và sử dụng.

3. Về chi phí thẩm định và định giá tài sản: Buộc ông Dương Văn C phải chịu số tiền thẩm định, định giá tài sản là 2.400.000 đồng; số tiền này bà Hoàng Thị M đã tạm ứng trước nay buộc ông Dương Văn C phải trả lại cho bà Hoàng Thị M 2.400.000 đồng (*Hai triệu bốn trăm nghìn đồng*). Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật bà Hoàng Thị M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Dương Văn C không thi hành xong khoản tiền trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

4. Về án phí: Buộc ông Dương Văn C phải chịu 576.000 đồng (Năm trăm bảy mươi sáu nghìn đồng) tiền án phí dân sự có giá ngạch để sung công quỹ Nhà nước.

Trả lại cho bà Hoàng Thị M với số tiền là 540.000VNĐ (Năm trăm bốn nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí tại biên lai số AA/2012/03556 ngày 10/4/2017 của Chi cục THADS huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật THADS; Thời hiệu THA được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt hai bên đương sự. Các bên đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo những vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Trảng Định;
- Đương sự.....;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bàn Văn Tiền